TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/KDTM-ST
Ngày 26 – 11 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Ông Nguyễn Hoàng Dân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trương Thanh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 775/2018/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng thương mại cổ phần C
Địa chỉ: Số 108, T, quận H, thành phố N
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Ngươi đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Tường V, chức vụ phó phòng bán lẻ, theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017 (có mặt).

***Bị đơn*:** Chị Cao Lương Tuyết N, sinh năm: 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Lương Thanh T– sinh năm: 1939 (vắng mặt)
2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1939 (vắng mặt)
3/ Anh Lương Văn H, sinh năm: 1973 (vắng mặt)
4/ Chị Trương Hồng N (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng và chị Cao Lương Tuyết N có ký kết các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015, số tiền vay 1.200.000.000đ, lãi vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm, thời hạn vay đến ngày 15/12/2020. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 15/12/2017 và Hợp đồng số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016, số tiền vay 300.000.000đ, lãi vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm, thời hạn vay đến ngày 02/02/2021. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 16/4/2018. Cả hai hợp đồng đều sử dụng vốn vay vào mục đích sửa chữa nhà trọ hộ kinh doanh cá thể.

Ngân hàng và chị Cao Lương Tuyết N với bà Lương Tuyết M có ký Hợp đồng số 16.104.386/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 27/12/2016, số tiền vay 100.000.000đ, lãi vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm, thời hạn vay đến ngày 27/12/2021. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 16/4/2018 và Hợp đồng số 16.104.354/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 09/12/2016, số tiền vay 300.000.00, lãi vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm, thời hạn vay đến ngày 09/12/2021. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 15/3/2018. Mục đích vay tiêu dùng để sửa chữa nhà ở số 230/13, đường L, khóm H, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Các khoản vay của chị N được ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L dùng tài sản của ông bà là quyền sử dụng đất thửa số 33 tờ bản đồ 44, diện tích 277,5m^2 và quyền sở hữu nhà cấp III-B.02, diện tích sàn 520,5m^2, diện tích xây dựng 150m^2, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BL188618 do UBND thành phố C cấp cho ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L ngày 10/10/2012 để đảm bảo. Việc thế chấp thể hiện tại hợp đồng số 15.017.062/HĐBĐ ngày 14/12/2015, đã đăng ký thế chấp ngày 14/12/2015 và các phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/15.017.062/PLHĐBĐ ngày 02/02/2016 và số 02/15.017.062/PLHĐBĐ ngày 09/12/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên chị Cao Lương Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị N vẫn không thực hiện đúng. Tính đến ngày khởi kiện 30/5/2018, chị N còn nợ ngân hàng số tiền 1.265.587.023đ, tiền vốn 1.212.251.298đ, lãi 53.335.725đ. Trong đó, dư nợ của hợp đồng Hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015 vốn và lãi là 777.744.252đ, quá hạn từ ngày 15/12/2017; Dư nợ của Hợp đồng số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016 vốn và lãi là 178.980.511đ, quá hạn từ ngày 16/4/2018; Dư nợ của hợp đồng số 16.104.386/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 27/12/2016 vốn và lãi là 76.668.815đ, quá hạn từ ngày 16/4/2018; Dư nợ của số 16.104.354/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 09/12/2016 vốn và lãi là 232.193.445đ, quá hạn từ ngày 15/3/2018.

Trong thời gian giải quyết vụ án, chị Ngân đã thanh toán nợ nhưng chưa khắc phục quá hạn tại hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015. Nên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị N thanh toán nợ, tính đến ngày 23/11/2018 cụ thể:

- Hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015, nợ vốn 605.891.754đ, nợ tiền lãi trong hạn là 1.677.756đ, lãi quá hạn là 15.443đ, tổng số nợ vốn lãi theo hợp đồng này là 607.584.953đ

- Hợp đồng số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016, nợ vốn 135.000.000đ, nợ tiền lãi trong hạn là 335.416đ, tổng số nợ vốn lãi theo hợp đồng này là 135.335.416đ

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Cao Lương Tuyết N thanh toán cho ngân hàng số tiền của hai hợp đồng này, tính đến ngày 23/11/2018 là 742.920.369đ trong đó tiền vốn 740.891.754đ, tiền lãi 2.028.615đ và tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp chị N không thanh toán hoặc không thanh toán đủ số nợ thì yêu cầu Tòa án buộc ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L giao tài sản thế chấp để phát mãi thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2018, chị Cao Lương Tuyết N và bà Lương Tuyết M trình bày: Chị là chủ kinh doanh nhà trọ CM có đăng ký hộ kinh doanh cá thể, cá nhân chị cũng như chị cùng bà M có ký kết các hợp đồng vay vốn nói trên. Ngân hàng khởi kiện chị N và bà M thống nhất có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Chị N và bà M chấp nhận phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ trong trường hợp chị N và bà M không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo đúng yêu cầu của ngân hàng.

Tại bản biên bản ghi ý kiến ngày 23/8/2018 và ngày 24/10/2018 ông Lương Thanh T trình bày: Đối với việc dùng tài sản của ông và bà L thế chấp để bảo đảm việc trả nợ của chị Cao Lương Tuyết N đối với ngân hàng khi thì ông xác định là ông không thế chấp, lúc thì xác định có thế chấp hay không, ông không biết. Ông không cung cấp chứng cứ gì thể hiện chữ ký tại hợp đồng thế chấp số 15.017.062/HĐBĐ ngày 14/12/2015 không phải của ông, cũng không yêu cầu giám định chữ ký. Đối với số nợ chị N, bà M vay ngân hàng, trách nhiệm thanh toán của chị N và bà M. Ông không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng. Đối với việc Tòa án triệu tập bà L, các lần triệu tập ông đều thông báo thời gian và nội dung triệu tập cũng như nội dung các văn bản tố tụng khác mà người nhà đã nhận thay bà L, ông và gia đình đều đã thông báo nhưng do bà L ở thành phố Hồ Chí Minh không về nên vắng mặt.

Tại biên ngày 24/10/2018, chị N trình bày: Hiện nay chị đang sống tại nhà 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C nhà này của ông T bà L. Đối với trách nhiệm trả nợ và việc phát mãi chị không có ý kiến. Trường hợp phải giao nhà để phát mãi thanh toán nợ cho ngân hàng chị không yêu cầu gì trong vụ án này. Các văn bản tố tụng chị đã nhận thay cho bà L, chị đều đã thông báo nội dung của văn bản tố tụng, chị nhận thay cho bà L biết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2018 và tại phiên tòa, anh Lương Văn H trình bày: Hiện nay anh đang sống tại nhà 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, nhà này của ông T bà L. Đối với trách nhiệm trả nợ và việc phát mãi anh không có ý kiến. Trường hợp phải giao nhà để phát mãi tài sản thanh toán nợ theo yêu cầu của ngân hàng anh không yêu cầu gì trong vụ án này. Bà Nguyễn Thị L là mẹ anh đã biết Tòa án đang giải quyết và biết thời gian địa điểm triệu tập nhưng bà không về tham gia tố tụng vì lý do sức khỏe.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần C (sau đây gọi tắt là ngân hàng) khởi kiện chị Cao Lương Tuyết N cùng bà Lương Tuyết M đối với 04 Hợp đồng tín dụng số 16.104.386/2016-HĐTD/NHCT86 ngày 27/12/2016, số 16.104.354/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 09/12/2016, số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015 và số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016. Hai hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015 và số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016, được ký kết với mục đích sử dụng vốn vay để sửa chữa nhà trọ phục vụ cho hoạt động kinh doanh, sinh lợi nhuận của chị N là chủ hộ kinh doanh cá thể, nên yêu cầu khởi kiện đối với hai hợp đồng này là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai hợp đồng tín dụng số 16.104.386/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 27/12/2016 và số 16.104.354/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 09/12/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C với chị Cao Lương Tuyết N, bà Lương Tuyết M, mục đích sử dụng vay vốn để sửa chữa nhà ở phục vụ sinh hoạt cá nhân, nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý hai yêu cầu khác nhau về hai mối quan hệ tranh chấp khác nhau cùng một vụ án, nên Tòa án đã căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật dân sự tách thành hai vụ án khác nhau theo quyết định số 03/2018/QĐST-DS ngày 24/10/2018. Trong vụ án này, chỉ xem xét giải quyết tranh chấp đối với hai hợp đồng tín dụng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015 và số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C với chị Cao Lương Tuyết N.

[2] Đối với chị Cao Lương Tuyết N, ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ chị Cao Lương Tuyết N, Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị Cao Lương Tuyết N, ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N có yêu cầu không hòa giải vụ án nên không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệp tập hợp lệ chị Cao Lương Tuyết N, ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị Cao Lương Tuyết N, ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Cao Lương Tuyết N, ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu chị Cao Lương Tuyết N, có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/11/2018 bằng 742.920.369đ trong đó tiền vốn 740.891.754đ, tiền lãi 2.028.615đ. Cụ thể: Theo hợp đồng Hợp đồng số 15.017.063/2015-HĐTD/NHCT860 ngày 14/12/2015, số tiền vốn vay 1.200.000.000đ. Tính đến 23/11/2018 tiền vốn còn nợ 605.891.754đ, tiền lãi đến 23/11/2018 là 1.693.199đ trong đó lãi trong hạn 1.677.756đ, lãi quá hạn 15.443đ. Hợp đồng số 16.017.013/2016-HĐTD/NHCT860 ngày 02/02/2016, số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 02/02/2021. Tính đến 23/11/2018 tiền nợ vốn 135.000.000đ, lãi đến 23/11/2018 335.416đ. Số tiền ngân hàng yêu cầu phù hợp với mức lãi vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm thỏa thuận tại hợp đồng. Hợp đồng được ký kết đúng thẩm quyền, nội dung thỏa thuận, mức lãi áp dụng không trái quy định của pháp luật. Số tiền lãi ngân hàng yêu cầu phù hợp với mức lãi thỏa thuận và thời gian tính lãi. Mặc dù chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng, nhưng bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo kỳ trả nợ, là đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng theo quy định tại Điều 282 Bộ luật dân sự nên, ngân hàng được quyền khởi kiện yêu cầu chị Ngân phải thanh toán toàn bộ khoản nợ vốn và lãi phát sinh từ hai hợp đồng này là có căn cứ chấp nhận. Chị N thống nhất có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng buộc chị N trả số tiền 742.920.369đ trong đó, tiền vốn là 740.891.754đ, nợ lãi 2.028.615đ. Chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[4] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông T cho rằng ông có ký hợp đồng thế chấp hay không ông không nhớ nhưng ông không có chứng cứ nào thể hiện việc ông không đồng ý thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, không có chứng cứ thể hiện chữ ký tại hợp đồng thế chấp không phải của ông, ông T cũng không yêu cầu giám định chữ ký của ông tại hợp đồng và phục lục hợp đồng thế chấp (bl 97). Đối với bà L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý nội dung vụ án và triệu tập bà L tham gia tố tụng, qua lời trình bày của những người nhận thay văn bản tố tụng cho bà thể hiện bà L biết yêu cầu của ngân hàng liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà nhưng bà L không có ý kiến gì về vụ án cũng như về hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ vào hợp đồng số 15.017.062/HĐBĐ ngày 14/12/2015, đã đăng ký thế chấp ngày 14/12/2015 và các phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/15.017.062/PLHĐBĐ ngày 02/02/2016 và số 02/15.017.062/PLHĐBĐ ngày 09/12/2016, thể hiện ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 33 tờ bản đồ 44, diện tích 277,5m^2 và quyền sở hữu nhà cấp III-B.02, diện tích sàn 520,5m^2, diện tích xây dựng 150m^2, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 51C, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận số BL188618 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 10/10/2012 để thế chấp bảo đảm các khoản vay của chị Ngân tại ngân hàng.

Hợp đồng thế chấp đã được ký kết đúng thẩm quyền, hình thức và nội dung thực hiện đúng quy định tại các Điều 292, 293, 295, 296 và đã được đăng ký thế chấp ngày 14/12/2015 đúng quy định tại các Điều 298 nên hợp đồng thế chấp có giá trị thực hiện. Trong trường hợp chị Ngân không thanh toán hoặc

thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng là đúng quy định tại các Điều 299, 301, 303, 323 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Đối với chị N và anh H đang sống trong căn nhà 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau, anh chị không có yêu cầu gì đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại có giá ngạch chị N phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải nộp án phí, tiền tạm ứng án phí ngân hàng đã nộp ngày 12/6/2018 theo lại thu số 0000903 đã được xử lý trong vụ án khác bản án số 183/2018/DS-ST ngày 23/11/2018, nên không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 467, 292, 293, 295, 296, 298, 299, 301, 302, 303, 323 điểm b, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 26, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần C: Buộc chị Cao Lương Tuyết N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tính đến ngày 23/11/2018, tiền vốn 740.891.754đ, tiền lãi 2.028.615đ, tổng cộng 742.920.369đ *(Bảy trăm bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng)* và tiếp tục phải trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi trả dứt nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần C phải trả cho ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số BL188618 do UBND thành phố C cấp ngày 10/10/2012, khi chị Cao Lương Tuyết N thanh toán dứt các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Buộc ông Lương Thanh T, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Văn H và chị Trương Hồng N phải giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 33 tờ bản đồ 44, diện tích 277,5m^2 và Quyền sở hữu nhà cấp III-B.02, diện tích sàn 520,5m^2, diện tích xây dựng 150m^2, tọa lạc tại 51C, đường L, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận số BL188618 do UBND thành phố C cấp cho ông Lương Thanh T và bà Nguyễn Thị L ngày 10/10/2012, để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, trong trường hợp chị Cao Lương Tuyết N không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 33.717.000đ *(Ba mươi ba triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng)* chị Cao Lương Tuyết N phải nộp *(chưa nộp).* Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thi Thu

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.C;
- Lưu hồ sơ vụ án.